

Trung Nghĩa từ (Châu Đốc - An Giang) và một số tư liệu Hán Nôm

- Nguyễn Đông Triều
- Nguyễn Văn Hoài

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

Ngày nhận bài: 09/3/2016

Ngày chấp nhận đăng bài: 16/5/2017

TÓM TẮT:

Trung Nghĩa từ (đình Châu Phú) là một trong những ngôi đình cổ to và đẹp nhất Miền Tây Nam Bộ. Tại đây còn lưu giữ nhiều tư liệu Hán Nôm quý liên quan đến lịch sử hình thành ngôi đình và công lao mở cõi của Nguyễn Hữu Cảnh; đồng thời qua tư liệu Hán Nôm này có

thể hiểu thêm về tình cảm, lòng ngưỡng vọng của người dân Nam Bộ dành cho vị tướng họ Nguyễn. Bài viết này lược thuật lịch sử hình thành ngôi đình và phiên dịch một số tư liệu Hán Nôm tiêu biểu để giới thiệu tới độc giả có quan tâm.

Từ khóa: Trung Nghĩa từ, đình Châu Phú, Nguyễn Hữu Cảnh, tư liệu Hán Nôm, câu đối

1. Lược sử và kiến trúc Trung Nghĩa từ

Trung Nghĩa từ, còn gọi là đình Châu Phú, thờ Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh 阮有鏡 (còn gọi là Nguyễn Hữu Kính, tên tộc là Lê, 1650-1700), được xây dựng từ năm 1922, đến năm 1926 hoàn thành, hiện tọa lạc tại góc đường Nguyễn Văn Thoại và đường Trần Hưng đạo, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang. Đây là một trong những ngôi đình to và đẹp nhất Miền Tây Nam Bộ.



Hình 1. Mặt trước đình Châu Phú

Ngôi đình hiện tại có nguồn gốc từ miếu Lễ Công, do ông Lê Công Thoàn¹ cùng cư dân địa phương dựng vào đầu thế kỷ 19 bằng tranh tre lá trên phần đất của tộc họ Lê Công, nay là khu ký túc xá bệnh viện Châu Đốc cũ. Năm 1805, vua Gia Long sắc phong Nguyễn Hữu Cảnh làm Thượng đẳng Thần. Đến năm Kỷ Ty (1809), miếu Lễ Công được trùng tu lần thứ nhất trở nên khang trang hơn và đổi gọi là đền Lễ Công. Lần trùng tu thứ hai có thể là do Thoại Ngọc hầu thực hiện vào khoảng năm 1828-1829, trong thời gian ông trấn nhậm tại thành Châu Đốc². Năm 1922, khi xây bệnh viện Châu Đốc, chính quyền Pháp thương lượng với họ tộc Lê Công và dân làng di dời ngôi đền đi nơi khác. Sau khi lựa chọn thế đất kỹ càng, ngôi đền được dời đến vị trí nhà làm việc địa phương lúc bấy giờ, chính là địa điểm tọa lạc đình Châu Phú hiện nay. Công lao của Nguyễn Hữu Cảnh và quá trình ba lần di dời,

¹ Lê Công Thoàn (1785-1837) người gốc Thanh Hóa vào đây lập nghiệp, là người đầu tiên khai phá cuộc đất này, sau được phong làm Tiền hiền của làng Châu Phú.

² Lâm Thanh Quang, “Lịch sử đình thần Châu Phú và những tờ sắc phong”, *Kiến thức ngày nay*, số 831, năm 2013, tr.11.

trùng tu đình Châu Phú được ghi nhớ bằng câu đối sau:

一戎衣增拓南疆，七省泰和在宇；
三遷廟重新舊所，千秋俎豆長存。

Nhất nhung y tăng thác nam cương, thất tỉnh³ thái hòa tại vũ;

Tam thiên miếu trùng tân cựu sở, thiên thu trở đậu trường tồn.

Một mảnh giáp khai thác phương nam, bảy tỉnh thái hòa trong vũ trụ;

Ba lần dời trùng tu miếu cũ, nghìn năm hương khói mãi phụng thờ.

Đình có kiến trúc theo hình chữ quốc, gồm các phần cơ bản: cổng đình, sân đình, gian tiền đình, gian chánh điện và gian hậu đình. Mái lợp ngói âm dương màu đỏ, nóc có gắn các tượng sành hình long, lân, lý ngư, lưỡng long châu nguyệt... Tầng mái xây kiểu trùng thiềm điệp ốc. Tầng trên ghi thượng đẳng thần miếu (Miếu thờ Thượng đẳng Thần). Tầng dưới ghi ba dòng chữ: 偉蹟靈祠 巍峙嶺頭 (Đền thiêng ghi nhớ công trạng lừng lẫy), viết bằng chữ triện, ở giữa; 丙寅年造 嶺頭民人 敬造 (Tạo năm Bính Dần), bên phải; [năm] 1926, bên trái. Bên trong đình dựng nhiều cột gỗ quý được nhập về từ Campuchia, trên các cột treo đầy các câu đối đặc sắc được trang trí hoa văn rất đẹp. Lối kiến trúc hoa văn của đình do một nhóm thợ ở Miền Bắc đảm trách thi công. Từ đó đến nay đã trải qua thời gian dài, tuy có gia cố sửa chữa nhiều lần, nhưng kiến trúc vẫn giữ nguyên như cũ (hình 1).

2. Một số tư liệu Hán Nôm tiêu biểu

Di sản Hán Nôm hiện tồn của đình gồm: 2 đạo sắc phong, 1 bản thần tích⁴, 1 bản tường niệm, 1

bảng công đức, 1 bảng giáo huấn, 42 hoành phi, 33 câu đối. Sau đây là bảng khắc ván ghi lời tường niệm và họ tên những người làm Xã trưởng từ khi lập làng năm Mậu Dần niên hiệu Gia Long thứ 17 (1818) đến năm Đinh Mão (có lẽ là năm 1927 sau khi xây đình một năm) (hình 2):

嘗思物有本末，事有兼該，自始能致其終，成今必由乎古。豈但從虛無物而得振其功效者歟！

慨念我本社方其洪荒肇判，風氣始分，土地未開，草花叢亂，山川猶靜重，民庶罕往來。致此前人賢哲相形勢便宜，招人民向聚，卜居築室，定邑立村，而享得地久天長，尤多賴于此辰也耳。于斯辰也，集因功事預得承平，追念顧懷，謹錄自古及今著作社長之職，先作後承，次第等節恭列，姓名字號，誌揭冊文，畱著鄉內，永垂記憶，庶不妄後先本末之事也已。謹錄自始立村号至斯為社長名号具列，凡斯年以來，歲歷接陳編于左。

本社始建村号属于皇朝嘉隆十七年歲次戊寅。始立村号为社長茲本社敬推為賢：黎文祥，黎文渚，阮文興，黃文信，陳文開，高文量，阮文壽，胡文儒，阮文進。前于己丑年五月穀旦，右鄉師阮克述訂；鄉官黎公趙，鄉主黎公成潤正；鄉中鄉戢列位同閱評。

歲次丁卯年五月十二日。

會齊大小等全依，鄉文馮思興拜錄。



Hình 2. Văn bản bài tường niệm

Thường tư vật hữu bản mạt, sự hữu kiêm cai, tự thủy năng trí kì chung, thành kim tất do hồ cổ. Khởi thư tòng hư vô vật nhi đắc chấn kì công hiệu giả dư!

³ Thất tỉnh: Bảy tỉnh. Chỉ bảy tỉnh thuộc Miền Tây Nam Bộ, do Toàn quyền Đông Dương đặt lại từ năm 1899, gồm: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu. Câu đối này có lẽ được viết sau thời điểm trên hoặc gần hơn là sau khoảng thời gian đình được di dời từ địa điểm cũ sang địa điểm hiện tại nên có cách gọi địa danh như vậy.

⁴ Bản Thần tích được chép lại từ *Đại Nam liệt truyện*, Tiền biên, quyển 3 và đã được chúng tôi phiên dịch. Xem bản dịch: Nguyễn Văn Hoài, Nguyễn Đồng Triều, “Giới thiệu một số văn bản Hán Nôm ở đình Châu Phú (Châu Đốc, An Giang)”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 6 (79), năm 2006, tr.74-75.

Khái niệm ngã bản xã phương kì hồng hoang triệu phán, phong khí thủy phân, thổ địa vị khai, thảo hoa tùng loạn, sơn xuyên do tĩnh trọng, dân thứ hân vãng lai. Trí thủ tiên nhân hiền triết tương hình thể tiện nghi, chiêu nhân dân hướng tụ, bốc cư trúc thất, định ấp lập thôn, nhi hưởng đắc thiên cửu địa trường, vu đa lại vu thủ thời dã nhĩ. Vu tư thời dã, tập nhân công sự dự đắc thừa bình, truy niệm cổ hoài, cần lục tự cổ cập kim trú tác vi Xã trưởng chi chức, tiên tác hậu thừa, thứ đệ đẳng tiết cung liệt, tính danh tự hiệu, chí yết sách văn, lưu trú hương nội, vĩnh thủy kí ức, thứ bất vọng hậu tiên bản mặt chi sự dã dĩ. Cần lục tự thủy lập thôn hiệu chí tư vi Xã trưởng danh hiệu cụ liệt, phạm tư niên chí lai, tuế lịch tiếp trần biên vu tả.

Bản xã thủy kiến thôn hiệu thuộc vu Hoàng triều Gia Long thập thất niên tuế thứ Mậu Dần. Thủy lập thôn hiệu vi Xã trưởng tư bản xã kính thời vi hiền: Lê Văn Thiện, Lê Văn Chử, Nguyễn Văn Hưng, Huỳnh Văn Tín, Trần Văn Nhân, Cao Văn Lượng, Nguyễn Văn Thọ, Hồ Văn Súc, Nguyễn Văn Tiến. Tiên vu Kỉ Sửu niên ngũ nguyệt cốc đán, Hữu Hương sư Nguyễn Khắc Thuật thiên đình; Hương quan Lê Công Triệu, Hương chủ Lê Công Thành nhuận chính; các vị hương chức trong làng cùng duyệt bình.

Tuế thứ Đinh Mão niên ngũ nguyệt thập nhị nhật.

Hội tề đại tiểu đẳng đồng y, Hương văn Phùng Tư Hưng bái lục.

“Tùng nghĩ rằng: Vật có gốc ngọn, việc có trước sau. Có lúc khởi đầu mới có hồi thành tựu, nên như bây giờ ắt phải do xưa! Lẽ nào từ chỗ trống không vô vật mà đẩy lên được công trạng hay sao!

Ngồi ngẫm nhớ lại: Xã ta đương khi hồng hoang mới mở, phong khí vừa chia, đất đai um tùm, cỏ cây rậm rạp, núi sông còn im vắng, dân chúng ít lại qua. Đến lúc các bậc hiền triết xưa lựa chọn địa thế tiện nghi, kêu gọi nhân dân quần tụ, bới chỗ ở dựng nhà, định xóm làng lập ấp, người người hưởng phước địa cửu thiên trường, phần lớn là nhờ vào lúc ấy. Hôm nay, nhân công việc được nhàn rồi, nghĩ nhớ người

xưa, trước khởi làm sau tiếp nối, thứ bậc trình tự họ tên tự hiệu xin cung kính kê ghi thành bản văn yết lên lưu lại trong làng, truyền lưu mãi trong kí ức, để không xảy ra những việc lộn xộn gốc ngọn trước sau. Nay ghi chép cẩn thận từ khi mới đặt tên thôn cho đến nay, tên họ những người làm Xã trưởng đều kê ghi đầy đủ. Phạm từ năm nay trở về sau đều phải tiếp tục ghi chép rõ ràng ở bên trái.

Bản xã bắt đầu đặt tên thôn vào năm Mậu Dần niên hiệu Gia Long thứ 17 (1818). Tôn những người làm Xã trưởng từ đó đến nay làm bậc Tiên hiền của xã, gồm: Lê Văn Thiện, Lê Văn Chử, Nguyễn Văn Hưng, Huỳnh Văn Tín, Trần Văn Nhân, Cao Văn Lượng, Nguyễn Văn Thọ, Hồ Văn Súc, Nguyễn Văn Tiến. Trước đó vào ngày lành tháng 5 năm Kỉ Sửu, Hữu hương sư Nguyễn Khắc Thuật soạn thảo hiệu đính; Hương quan Lê Công Triệu, Hương chủ Lê Công Thành nhuận chính; các vị hương chức trong làng cùng duyệt bình.

Ngày 12 tháng 5 năm Đinh Mão. Chức sắc ban Hội tề cùng y theo văn bằng kính ghi. Hương văn Phùng Tư Hưng kính chép.”

Nội dung trên cho biết thôn Châu Phú được đặt tên vào năm Mậu Dần 1818. Còn về năm soạn thảo, hiệu đính, nhuận chính, duyệt bình (gọi tắt là soạn thảo) và năm khắc văn bản, chúng tôi suy đoán như sau. Thứ nhất: Văn bản được soạn thảo vào năm Kỉ Sửu. Năm Kỉ Sửu trong thế kỉ 19 có hai năm là 1829 và 1889. Năm 1829 thì không đúng, vì khoảng cách thời gian quá gần, không thể trải qua đến 9 đời Xã trưởng. Cho nên năm soạn thảo là 1889; Thứ hai: Văn bản được khắc vào năm Đinh Mão. Năm này chắc chắn phải sau 1889, đó là năm 1927, tức sau khi xây xong đình 1 năm, sau khi văn bản được soạn thảo 38 năm. Tóm lại, những người được tôn làm Tiên hiền của xã là những người làm Xã trưởng từ năm 1818 đến năm 1889, văn bản được soạn thảo năm 1889 và được khắc năm 1927. Không thấy ghi tiếp những người làm Xã trưởng từ năm 1889 đến năm 1927.

Về sắc phong, hiện đình còn giữ được hai đạo sắc phong niên hiệu Minh Mạng (năm thứ 3, 1822)

và niên hiệu Tự Đức (năm thứ 5, 1852)⁵. Trong một bài viết, tác giả Lâm Thanh Quang có dẫn bản phiên dịch hai sắc phong này từ tư liệu của Như Hiền Nguyễn Ngọc Hiền nhưng đáng tiếc là bản phiên dịch này phạm phải quá nhiều sai sót⁶. Nhân đây, chúng tôi xin chép nguyên văn và dịch lại như sau:

- Sắc phong của vua Minh Mạng:

勅統率禮成侯阮護國庇民顯有功德，前經褒贈，列在祀典，奉我世祖高皇帝統一海宇，慶被神人。肆今光紹鴻圖，緬念神庥，宜隆顯號，可加封拓境威遠昭應上等神。仍準列祀在嘉定城會同廟。神其相佑保我黎民。故勅！

明命三年九月二十四日制贈之寶。

Sắc Thống suất Lễ Thành hầu Nguyễn, hộ quốc tí dân, hiển hữu công đức, tiền kinh bao tặng, liệt tại tự điển, phụng ngãi Thế Tổ Cao Hoàng đế thống nhất hải vũ, khánh bị thần nhân. Tứ kim quang thiệu hồng đồ, miến niệm Thần huu, nghi long hiển hiệu, khả gia phong Thác Cảnh Uy Viễn Chiêu Ứng Thượng đẳng Thần. Nhưng chuẩn liệt tự tại Gia Định thành Hội Đồng miếu. Thần kì tướng hựu bảo ngãi lê dân. Cố sắc!

Minh Mệnh tam niên cửu nguyệt nhị thập tứ nhật chế tặng chi bảo.

“Sắc cho Thống suất Lễ Thành hầu Nguyễn, có công giữ nước giúp dân, rạng ngời công đức, trước kia đã được phong tặng, liệt vào hàng điển lễ tế tự, phụng giúp Thế Tổ Cao Hoàng đế ta thống nhất giang sơn, ban ân huệ khắp thần người. Đến nay [Trẫm] nối cơ nghiệp lớn, mãi nhớ ơn Thần, hầu làm vẻ vang danh hiệu, nên gia phong Thác Cảnh Uy Viễn Chiêu Ứng Thượng đẳng Thần. Vẫn chuẩn cho thờ tại miếu Hội Đồng ở thành Gia Định. Thần hãy phò hộ bảo vệ dân ta! Nên nay có sắc lệnh quý ban cho!

Ngày 24 tháng 9, Minh Mạng năm thứ ba (1822).”

- Sắc phong của vua Tự Đức:

敕統率禮成府君尊神，原贈拓境威遠昭應誠感顯靈上等神，護國庇民，稔著靈應。肆今丕膺耿命，緬念神庥，可加贈拓境威遠昭應誠感顯靈卓偉上等神。仍準西川縣周富村依舊奉事。神其相佑保我黎民。欽哉！

嗣德五年拾壹月貳拾玖日。

Sắc Thống suất Lễ Thành Phủ quân Tôn Thần, nguyên tặng Thác Cảnh Uy Viễn Chiêu Ứng Thành Cảm Hiên Linh Thượng đẳng Thần, hộ quốc tí dân, nhẫm trứ linh ứng. Tứ kim phi ung cảnh mệnh, miến niệm Thần huu, khả gia tặng Thác Cảnh Uy Viễn Chiêu Ứng Thành Cảm Hiên Linh Trác Vĩ Thượng đẳng Thần. Nhưng chuẩn Tây Xuyên huyện Châu Phú thôn y cựu phụng sự. Thần kì tướng hựu bảo ngãi lê dân. Khâm tai!

Tự Đức ngũ niên thập nhất nguyệt nhị thập cửu nhật.

“Sắc Thống suất Lễ Thành Phủ quân Tôn Thần, vốn được tặng Thác Cảnh Uy Viễn Chiêu Ứng Thành Cảm Hiên Linh Thượng đẳng Thần, giữ nước giúp dân, linh ứng rõ rệt. Nên nay vâng theo mệnh lớn, mãi nhớ ơn Thần, xứng đáng gia tặng Thác Cảnh Uy Viễn Chiêu Ứng Thành Cảm Hiên Linh Trác Vĩ Thượng đẳng Thần. Vẫn chuẩn cho thôn Châu Phú huyện Tây Xuyên phụng sự. Thần hãy phò trợ dân ta! Hãy vâng theo!

Ngày 29 tháng 11, Tự Đức năm thứ năm (1852).”

Đối chiếu hai sắc phong trên thì thấy, vua Minh Mạng chỉ ban cho Thần tước hiệu “Thác Cảnh Uy Viễn Chiêu Ứng Thượng đẳng Thần”, nhưng vua Tự Đức lại nói Thần “vốn được tặng Thác Cảnh Uy Viễn Chiêu Ứng Thành Cảm Hiên Linh Thượng đẳng Thần”, chứng tỏ vua Thiệu Trị cũng có ban sắc cho Thần, tước hiệu mà vua Tự Đức nói do chính vua Thiệu Trị gia phong. Tước hiệu này được ghi nhận trong đạo sắc phong cho Nguyễn Hữu Cảnh hiện đang lưu giữ tại Công Thần miếu tỉnh Vĩnh Long⁷. Như vậy, ít nhất là các vua đầu triều

⁵ Hai đạo sắc này được bảo quản tại Lê Công phủ từ. Trước đó, vua Gia Long cũng có ban sắc cho đình nhưng đạo sắc này đã bị thất lạc trong thời gian Pháp chiếm đóng Nam Bộ.

⁶ Xem: Lâm Thanh Quang, bdd., tr.14-15.

⁷ Sắc phong này được vua Tự Đức cấp lại, vì sắc của vua Thiệu Trị đã mất (có thể bị cháy do hỏa hoạn).

Nguyễn cho đến đời Tự Đức đều có sắc phong cho Nguyễn Hữu Cảnh.

- Bài tựa:

Châu Phú Tôn thần sự tích tự

Dư tự tảo tuế dĩ lai chỉ kiến ngã Châu Phú thôn Tôn thần miếu nội cựu thời sở lưu Thống suất Lễ Thành hầu, khâm tặng Thác Cảnh Uy Viễn Chiêu Ứng Thượng đẳng Tôn Thần bài vị. Dư thiên tường ngã Tôn thần chỉ nhất đại khai thác Châu Đốc nhất nhị địa phương nhi dĩ, dục cùng bản mặt ngụ mục vô do. Hạnh Bính Dần xuân sơ, Long Phú thôn hữu Hương cả Dương Quý Đài lai vân: Chủ bút Chánh sắc Nguyễn Quý Thai tích nhật đông du thần kinh, quy hữu Đại Nam liệt truyện tiền biên hậu biên. Hựu vân: Tiền biên quyền chỉ tam hữu ngã Tôn thần sự tích. Dư hi khẩn cầu nhi quan chi, thủy tri ngã Tôn thần phi chỉ nhất thân đại hữu công lao vu đương thế, nhi phụ tử tổ tôn nhi huynh nhi diệt cụ hữu huân lao vu đương thế. Cổ ngã thôn trung Hội tề đại tiểu hương chức miễn dư tuân thị thư nhi lục vu bản dĩ chương ngã Tôn thần công đức chi mậu. Thời miếu vũ tam thiên nhi hoàn vu cổ chí, đồng vũ phương cưu, khánh thành hữu nhật, dư khởi bất dự dự nhi tuân chi hô! Đản kì Tôn thần phụ tử tổ tôn nhi huynh nhi diệt công miếu viễn tại Quảng Bình tỉnh phận, cổ lược nhi lục chi. Duy ngã Tôn thần công khai Nam Kì thất tinh, miếu tại thôn trung (hựu Biên Hoà Đại Phố Châu Lễ Công giang tiền hậu [...])⁸ Nam Vang giai hữu từ yên), cổ nhất nhất tuân thị thư nhi tường lục chi dĩ bị hành nhân quan lãm. Đản từ hữu thiên lậu kì vi chí thị, hạnh vật lặn đại gia chỉ bút vân nhĩ. Tuân thị thư nhi lược lục chi.

Nguyễn Triều Văn nãi Tôn thần chi tổ, thế cư Thanh Hóa⁹ quý huyện nhân, lịch quan chí Tham tướng Chương cơ chi chức. Nguyễn Hữu Dật nãi Tôn thần chi phụ, văn võ toàn tài vệ vu tinh nghiệp. Đương Lê triều quyền thần Trịnh thị lai

xâm, Hữu Dật thiết kế mưu chiến ngư chi. Trịnh nhân bắt Nam nhập. Cổ Thần Tông Hoàng đế¹⁰ tán viết: “Nguyễn Hữu Dật tự đăng dĩ lai, tận kế thiết mưu, chiến vô bất thắng.” Cổ phong thống suất chư tướng dĩ bình tặc. Tân Dậu niên xuân bệnh tốt, niên thất thập hữu bát. Hữu di biểu từ thậm kích thiết. Thượng lâm biểu thán tức, tặng Tán trị Tịnh nạn công thần, đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Chiêu Quận công, thụy Cẩn Tiết. Quảng Bình nhân dân truy ân chi, hiệu vi Bồ Tát, lập từ vu Thạch Kim tự chi. Hiến Tông Hoàng đế¹¹ truy cấp tự điền tam mẫu, tự dân nhất bách nhân. Gia Long tứ niên tứ vi Công thần thượng đẳng, tòng tự Thái miếu, âm kì hậu nhất nhân vi Đội trưởng lĩnh thế thủ tự sự, cấp tự điền thập ngũ mẫu, mộ phụ lục nhân; Cửu niên liệt tự Khai Quốc Công Thần miếu. Minh Mệnh thập nhị niên truy tặng Khai quốc công thần, đặc tiến Tráng Võ Tướng quân, cải thụy Nghị Võ, phong Tĩnh Quốc công, nhưng tòng tự Thái miếu; Thập lục niên tứ tòng tự Võ miếu. Hựu lệnh sở tại tu lí phần mộ. Nguyễn Hữu Hào nãi Tôn thần chi bào huynh, Hiến Tông Hoàng Đế thời lịch quan chí Quảng Bình Trấn thủ Đề trấn. Ái dưỡng sĩ tốt, thân ái lại dân. Quý Tị niên tốt. Khâm tặng Đôn Hậu chi Thần, thụy Nhu Từ Chi Từ dã. Thiếu tông Gia Long tứ niên [...]¹² Nguyễn Hữu Cảnh thị Quảng Bình tỉnh Thượng đẳng Tôn Thần.

“Bài tựa sự tích Tôn thần thôn Châu Phú

Tôi từ lúc nhỏ đến giờ chỉ thấy trong miếu Tôn thần của thôn Châu Phú ta có lưu giữ bài vị khi xưa của Thống suất Lễ Thành hầu, khâm tặng Thác Cảnh Uy Viễn Chiêu Ứng Thượng đẳng Tôn Thần. Tôi cận nghĩ Tôn thần của ta chỉ một đời khai mở một vài vùng đất ở Châu Đốc mà thôi. Muốn biết hết ngọn ngành thì lại không biết gởi mắt vào đâu. May thay vào đầu xuân năm Bính Dần, có ông Hương cả Dương Quý Đài ở thôn Long Phú sang báo rằng: Chủ bút Chánh sắc Nguyễn Quý Thai

⁸ Chỗ này bị mờ 1 chữ, không đọc được, phía sau chúng tôi tạm dịch.

⁹ Bản quán của Nguyễn Hữu Cảnh ở xã Gia Miêu, huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

¹⁰ Thần Tông Hoàng đế: tức chúa Nguyễn Phúc Lan (1635-1648).

¹¹ Hiến Tông Hoàng Đế: tức chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725).

¹² Chỗ này bị lem mất 9 chữ.

ngày trước có đông du đến đất thần kinh, khi về có bộ *Đại Nam liệt truyện tiền biên hậu biên*. Lại nói trong *Quyển 3* của phần *Tiền biên* có sự tích Tôn thần của thôn ta. Tôi vui mừng khẩn thiết xin mượn xem, mới biết không chỉ một mình Tôn thần của ta có công lao lúc sinh thời mà cả cha con ông cháu, cả anh trai cháu trai đều có công lao lúc sinh thời. Vì vậy các hương chức hội tề lớn nhỏ trong thôn khuyên tôi gắng theo sách ấy mà ghi chép thành một bản để biểu dương công đức to lớn của Tôn thần. Lúc bấy giờ miếu mạo sau ba lần dời chuyển nay quay về chốn cũ, cột kèo vừa mới ráp xong chuẩn bị khánh thành, lẽ nào tôi chẳng vâng dạ mà tuân theo! Nhưng miếu mạo ghi công cha con, ông cháu cùng với anh và cháu họ của Tôn thần đều ở tận địa phận tỉnh Quảng Bình, nên chỉ ghi lại sơ lược mà thôi. Riêng Tôn thần của thôn ta có công khai mở bảy tỉnh Nam Kỳ, miếu mạo ở trong thôn (tại Cù Lao Phố ở Biên Hòa, ở đoạn trước và sau của sông Vàm Ông Chường và cả ở Nam Vang đều có đền thờ của Ngài), cho nên nhất nhất tuân theo sách này mà ghi chép lại cận kề để tiện cho người qua kẻ lại quan lãm. Nếu ngôn từ có chỗ thiên lậu thì mong chi bảo cho, xin chớ tiếc bút mực của bậc đại gia. Nay tuân theo sách ấy mà chép đại lược như sau.

Nguyễn Triều Văn là ông nội của Tôn thần, vốn người ở quý huyện tỉnh Thanh Hóa, làm quan đến chức Tham tướng Chương cơ. Nguyễn Hữu Dật thân phụ của Tôn thần là người văn võ toàn tài, cầm binh thiện nghệ. Lúc bấy giờ quyền thần của triều Lê là họ Trịnh kéo binh xâm phạm, Hữu Dật đã bày kế mưu chiến chống lại, họ Trịnh không thể xâm nhập xuống phương Nam. Vì vậy được Thần Tông Hoàng đế khen ngợi rằng: “Từ khi ta lên ngôi đến nay, Nguyễn Hữu Dật đã tận lực bày mưu tính kế giao chiến không bao giờ không thắng”. Cho nên phong ông thống suất chư tướng để đánh dẹp giặc. Mùa xuân năm Tân Dậu ông bị bệnh qua đời, hưởng thọ 78 tuổi. Ông có để lại bài biểu rất thống thiết. Nhà vua đọc biểu than thở, tặng danh hiệu Tán trị Tĩnh nạn công thần, đặc phong Phụ quốc Thượng Tướng quân Chiêu Quận công, thụy hiệu là Cần

Tiết. Dân chúng Quảng Bình nhớ ơn ông gọi là Bồ Tát, lập đền thờ ở Thạch Kim để thờ cúng. Hiến Tông Hoàng đế truy cấp cho ruộng cúng tế 3 mẫu và 100 dân đinh lo việc thờ cúng. Năm thứ 4 đời vua Gia Long ban tặng là Thượng đẳng công thần, cho tòng tự ở Thái miếu, ban phúc âm cho cháu con về sau của ông một người làm Đội trưởng, lệnh cho nối đời lo việc giữ đền, cấp cho ruộng cúng tế 15 mẫu, phu chăm sóc mộ 6 người. Năm thứ 9 xếp vào hàng được tế tự ở miếu Khai Quốc Công Thần. Năm thứ 12 đời vua Minh Mệnh, ông được truy tặng Khai quốc công thần, đặc phong Tráng Võ tướng quân, đổi thụy hiệu là Nghị Võ, phong Tĩnh Quốc công, được tòng tự ở Thái miếu; năm thứ 16, được tòng tự ở Võ miếu. Lại lệnh cho địa phương sở tại tu sửa phần mộ. Nguyễn Hữu Hào là anh ruột của Tôn thần, thời Hiến Tông Hoàng đế làm quan đến chức Quảng Bình Trấn thủ Đề trấn. Ông có tiếng yêu thương quân lính, thân ái với quan dân. Ông mất năm Quý Ty, được vua phong tặng Đôn Hậu Chi Thần, ban thụy là Nhu Từ Chi Từ. Năm thứ 4 đời vua Gia Long (1805) Nguyễn Hữu Cảnh là Thượng đẳng Tôn Thần tỉnh Quảng Bình.”

- Hoành phi của đình có nội dung rất hay. Một trong những hoành phi nêu bật vai trò của Nguyễn Hữu Cảnh đối với Nam Bộ và cả nước là bức 將軍國賢 *Tướng quân quốc lữ* = Tướng quân là trụ cột nước nhà (hình 3). Có một hoành phi do Hoa kiều ở Châu Đốc kính tặng vào năm Dân Quốc thứ 16 (1926, năm xây dựng xong đình) là bức 威鎮南國 *Uy trấn Nam quốc* = Oai danh trấn ngự nước Nam. Đa số hoành phi còn lại đều ca ngợi công ơn hoặc ghi tước vị của Thần.



Hình 3. Bức hoành phi “Tướng quân quốc lữ”

- Câu đối cũng có nội dung rất hay và phong phú¹³. Trong đó có ba câu ghi niên đại Thiệu Trị năm thứ 6 (1846), hai câu ghi niên đại Khải Định năm Canh Thân (1920). Nội dung chủ yếu của các câu đối: ca ngợi công ơn khai thác phương nam; ca ngợi đức hạnh, tính cách, lòng trung thành, oai danh trong và ngoài nước; sự tín nhiệm của hoàng đế; lòng kính cẩn, nhớ ơn của mọi người; ca ngợi thế địa linh và vẻ nguy nga tráng lệ của ngôi đình.

- Ba câu đối đề niên hiệu Thiệu Trị:

拓境開疆，天地以時歸宿將；

停車駐節，漢夷隨在有靈祠。(hình 4)

Thác cảnh khai cương, thiên địa dĩ thời qui túc tướng;

Đình xa trú tiết, Hán Di¹⁴ tùy tại hữu linh từ.

Mở cõi khai cương, thành tướng giỏi trong vòng trời đất;

Vào nam phụng mệnh, lập đền thiêng khắp chốn Hán Di.



Hình 4. Câu đối ở bệ thờ chính đề niên hiệu Thiệu Trị

¹³ Một vài trong số những câu đối này đã được chúng tôi dịch trong bài viết “Giới thiệu một số văn bản Hán Nôm ở đình Châu Phú (Châu Đốc, An Giang)”, sđd, tr.73-78. Ở đây chúng tôi dịch lại, có sửa chữa đôi chỗ cho chính xác hơn, đồng thời dịch thêm vài câu mới.

¹⁴ Hán Di: Xưa chỉ Trung Quốc (Hán) và những nước nhỏ ở phía đông Trung Quốc (Di). Ở đây mượn chỉ nước ta và Campuchia.

開拓勲臣，功在邊陲名在史；

忠誠正氣，生為真將死為神。

Khai thác huân thần, công tại biên thùy danh tại sử;

Trung thành chính khí, sinh vì chân tướng tử vì thần.

Mở đất ơn người, công ở biên thùy tên trong sử;

Trung thành chính khí, sống là lương tướng chết làm thần.

真臘塵清，東浦百年留偉蹟；

潞江星隕，西陲千古警餘威。

Chân Lạp trần thanh, Đông Phố¹⁵ bách niên lưu vĩ tích;

Sầm Giang¹⁶ tinh vẫn, tây thùy thiên cổ cảnh dư uy.

Chân Lạp bụi tan, Đông Phố trăm năm còn thánh tích;

Sầm Giang sao rụng, cõi Tây nghìn thuở khiếp uy danh.

- Hai câu đối đề niên hiệu Khải Định:

揭地功勲，千載芳名傳絡史；

在天靈爽，萬民霑德沛龍江。

Yết địa công huân, thiên tài phùng danh truyền Lạc sử;

Tại thiên linh sáng, vạn dân triêm đức phái Long giang.

Mở đất công lao, ngàn năm tiếng thơm truyền sử Lạc;

Giữa trời sáng rọi, muôn dân thấm đức gội sông Rồng.

掃蕩塵清，真臘當年推將畧；

仰孚聖化，潞江千古著英靈。

Tảo đàng trần thanh, Chân Lạp đương niên suy tướng lược;

Ngưỡng phu thánh hóa, Sầm Giang thiên cổ trú anh linh

¹⁵ Đông Phố: Tên gọi đất Gia Định thời chúa Nguyễn mở đất xuống vùng Thủy Chân Lạp.

¹⁶ Sầm Giang: Tên chữ của sông Rạch Gầm ở Tiền Giang.

Quét sạch bụi trần, Chân Lạp năm xưa tôn
tướng giỏi;

Ngựa trông đức thánh, Sầm Giang nghìn thuở
rõ oai linh.

- Một số câu đối tiêu biểu khác:

智勇廉優，旅勦獨超孫武子；

事功彪炳，師貞堪對漢亭侯。

Trí dũng liêm ưu, lữ tiễu độc siêu Tôn Vũ Tử;

Sự công bưu bỉnh, sư trinh kham đối Hán Đình
Hầu.

Trí dũng hơn người, điều binh hơn tài Tôn Vũ
Tử;

Cơ nghiệp rực rỡ, cầm quân ngang sức Hán
Đình Hầu.

仁開順慶二城，高山並待¹⁷；

義拓南疆五省，長水同流。

Nhân khai Thuận Khánh¹⁸ nhị thành, cao sơn
tịnh đãi;

Nghĩa thác nam cương ngũ tỉnh¹⁹, trường thủy
đồng lưu.

Nhân dựng Thuận Khánh hai thành, núi cao
đáng sánh;

Nghĩa mở phía nam năm tỉnh, sông dài cùng
xuôi.

面北奉聖文，身董三軍張虎旅；

向南揚神武，功恢六省著龍圖。

Diện bắc phụng thánh văn, thân đồng tam quân
trương hổ lữ;

Hướng nam dương thần vũ, công khôi lục tỉnh
trứ long đồ.

Trông lên bắc vâng lệnh cửu trùng, thân cầm ba
quân giương oai tướng hổ;

Hướng về nam rạng danh thần vũ, công dựng
sáu tỉnh phò nghiệp đế vương.

南岸帶三江，日映光前清朗²⁰派；

北原橫七嶺，地形裕厚最高堅。

Nam ngạn dải Tam Giang, nhật ánh quang tiền
thanh lãng phái;

Bắc nguyên hoành Thất Lĩnh, địa hình dụ hậu
tối cao kiên.

Bờ nam vắt Tam Giang, óng ánh mặt trời luôn
tịnh khiết;

Đồng bắc ngang Thất Lĩnh, cao dày thế đất mãi
lâu bền.

3. Tiểu kết

Đình Châu Phú gắn liền với Thoại Ngọc hầu, một danh thần đầu triều Nguyễn có công khai hoang lập ấp, giúp ổn định và phát triển cuộc sống lưu dân vùng Tây Nam Bộ. Ngày nay tuy nằm giữa phố thị ồn ào nhưng đình Châu Phú vẫn giữ được vẻ uy nghi, cổ kính. Ngôi đình như là một trong những chứng nhân lịch sử của vùng đất Châu Đốc nói riêng và của tỉnh An Giang nói chung. Các yếu tố góp phần tạo nên giá trị của ngôi đình là lịch sử lâu đời, kiến trúc cổ kính, và đặc biệt là hệ thống di sản Hán Nôm phong phú, đa dạng. Do khuôn khổ bài viết có hạn, chúng tôi chưa thể giới thiệu toàn bộ di sản Hán Nôm của đình Châu Phú. Tuy nhiên, qua lịch sử hình thành, kiến trúc và một số tư liệu Hán Nôm nói trên phần nào cho thấy đây là một ngôi đình có nhiều giá trị về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật cần tiếp tục giữ gìn. Phần còn lại trong di sản Hán Nôm của ngôi đình này chúng tôi hẹn dịp khác sẽ tiếp tục giới thiệu với quý vị độc giả.

¹⁷ Chữ này nguyên văn viết bộ 立 lập bên trái, đồng âm đồng nghĩa.

¹⁸ Thuận Khánh: Phù Bình Thuận (nay là Ninh Thuận, Bình Thuận) và phủ Diên Khánh (nay là Khánh Hòa).

¹⁹ Ngũ tỉnh: Năm trấn thuộc thành Gia Định đầu triều Nguyễn là Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên.

²⁰ Chữ này nguyên văn có thêm bộ 氵 thủy bên trái.

Trung Nghĩa temple (Chau Đốc - An Giang) and some Sino-Nom documents

- **Nguyen Dong Trieu**
- **Nguyen Van Hoai**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

Trung Nghĩa temple (Chau Phu temple) is an ancient temple which is one of the biggest and the most beautiful ones in Mekong River Delta. It also preserves several precious Sino-Nom documents concerning the history of the temple and Nguyen Huu Canh's role in expanding the country; simultaneously,

through these Sino-Nom documents, we could understand the love and admiration for General Nguyen by Southern Vietnamese people. This paper briefly relates the history of building the temple and translates some typical Sino-Nom documents to recommend to the readers who are interested in this topic.

Keywords: *Trung Nghĩa temple, Chau Phu temple, Nguyen Huu Canh, Sino-Nom documents, parallel sentences*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Tư liệu Hán Nôm sưu tầm tại Trung Nghĩa từ (Châu Đốc - An Giang), năm 2014.
- [2]. Bùi Xuân Đức (chủ biên), *85 sắc phong ở miếu Công Thần tại Vĩnh Long*, Thư viện Khoa học Tổng hợp TP.HCM, BQL di tích tỉnh Vĩnh Long, Bảo tàng tỉnh Vĩnh Long, 2013
- [3]. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tiền biên, quyển 3, Đỗ Mộng Khương dịch, NXB. Thuận Hoá, Huế, 2006.
- [4]. Lâm Thanh Quang, "Lịch sử đình thần Châu Phú và những tờ sắc phong", *Kiến thức ngày nay*, số 831, năm 2013.
- [5]. Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thề, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, tái bản, NXB. Văn hoá, 1994.